

DANH SÁCH SV ĐĂNG KÝ THI CHUẨN ĐẦU RA, ĐỢT THI NGÀY 24.05.2026

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
1	411220412	Nguyễn Hà An	22CNACL02	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
2	411220471	Võ Huỳnh Ngọc Anh	22CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
3	412220186	Nguyễn Tuấn Anh	22CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
4	412210235	Trần Thị Mai Anh	21CNATMCLC02	Bậc 3 (B1) Hàn	chưa nộp LP
5	412200120	Lê Thị Vân Anh	20CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
6	411170806	Bùi Trần Hoàng Ngọc Như Anh	17CNACL01	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
7	411220270	Lê Thị Ánh	22CNA08	Bậc 3 (B1) Hàn	chưa nộp LP
8	411230076	Trần Thị Bảo Châu	23CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
9	417220137	Nguyễn Lê Bảo Châu	22CNJ01	Bậc 5 (C1) Nhật	chưa nộp LP
10	412220219	Nguyễn Thúy Diễm	22CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
11	412220190	Bùi Thúy Diễm	22CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
12	411210125	Mai Thị Ngọc Diệp	21CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
13	411220006	Nguyễn Thị Thùy Dung	22CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
14	411200647	Nguyễn Lê Thị Mỹ Dung	21CNACL04	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
15	411230429	Nguyễn Thị Thùy Dương	23CNA11	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
16	411220123	Nguyễn Ngọc Thái Bình Dương	22CNA04	Bậc 3 (B1) Pháp	chưa nộp LP
17	411170843	Võ Thị Thùy Dương	17CNACL04	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
18	417222141103	Nguyễn Khánh Dương	14CNH02	Bậc 4 (B2) Hàn	chưa nộp LP
19	412220006	Hoàng Thị Mỹ Duyên	22CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
20	411210337	Lê Thị Hương Giang	22CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
21	414220009	Mai Thị Hải Hà	22CNN01	Bậc 5 (C1) Nga	chưa nộp LP
22	412220153	Trần Võ Thu Hà	22CNATM02	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
23	414220010	Lưu Khả Hân	22CNN01	Bậc 5 (C1) Nga	chưa nộp LP
24	413220007	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	22CNP01	Bậc 5 (C1) Pháp	chưa nộp LP
25	411220517	Nguyễn Hồng Phương Hạnh	22CNATT02	Bậc 3 (B1) Trung	chưa nộp LP
26	411220419	Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	22CNACL02	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
27	411200709	Trần Mai Hạnh	20CNACL06	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
28	412210009	Trần Hiền	21CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
29	411210711	Huỳnh Thị Thanh Hiền	21CNACL05	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
30	411210553	Võ Thanh Hiền	21CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
31	412220157	Trần Nguyễn Hoàng	22CNATM02	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
32	411200485	Nguyễn Việt Hoàng	20CNA11	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
33	412210302	Trần Thị Huyền	21CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
34	411200079	Trần Thị Thanh Huyền	20CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
35	412220248	Trịnh Hoàng Minh Khai	22CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
36	411200683	Huỳnh Bảo Khanh	20CNACL05	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
37	411210134	Nguyễn Lương Hương Khoa	21CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
38	411220205	Trương Thị Thanh Lam	22CNA06	Bậc 3 (B1) Trung	chưa nộp LP

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
39	411210512	Trịnh Thị Mỹ Lan	21CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
40	411220395	Nguyễn Thị Tri Lễ	22CNACLCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
41	411230050	Nguyễn Diễm Khánh Linh	23CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
42	419220010	Đỗ Thị Phương Linh	22SPA01	Bậc 3 (B1) Trung	chưa nộp LP
43	411220482	Phan Thị Mỹ Linh	22CNATT01	Bậc 3 (B1) Hàn	chưa nộp LP
44	412220250	Lê Thị Huyền Linh	22CNATMCLC03	Bậc 3 (B1) Trung	chưa nộp LP
45	412220162	Võ Nhật Khánh Linh	22CNATM02	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
46	412220124	Hồ Thị Duy Linh	22CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
47	411220424	Đậu Nguyễn Yến Linh	22CNACLCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
48	411220319	Lê Khánh Linh	22CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
49	411220281	Lê Phương Linh	22CNA08	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
50	411220014	Huỳnh Ngọc Thùy Linh	22CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
51	411200492	Nguyễn Mai Linh	20CNA11	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
52	411180774	Lê Thị Khánh Linh	18CNACLCLC06	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
53	416220081	Phạm Bảo Long	22CNDPHCLC01	Bậc 2 (A2) Hàn	chưa nộp LP
54	445240006	Nguyễn Văn Lượng	24BHTCTQ01	Bậc 5 (C1) Trung	chưa nộp LP
55	411230668	Nguyễn Ngọc Thảo Ly	23CNATT02	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
56	416220049	Triệu Ly	22CNDPH01	Bậc 2 (A2) Nhật	chưa nộp LP
57	411200125	Lê Thị Phương Ly	20CNA02	Bậc 2 (A2) Trung	chưa nộp LP
58	411170322	Võ Thị Cẩm Lý	18CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
59	417220241	Trần Thị Thanh Mai	22CNJTM01	Bậc 5 (C1) Nhật	chưa nộp LP
60	417220052	Phạm Thị Xuân Mai	22CNH02	Bậc 5 (C1) Hàn	chưa nộp LP
61	411220484	Trương Hoàng Xuân Mai	22CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
62	411200626	Nguyễn Thị Huyền Mai	21CNACLCLC03	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
63	412220281	Nguyễn Thị Trà My	22CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
64	412220254	Nguyễn Lê Hoàng My	22CNATMCLC03	Bậc 3 (B1) Hàn	chưa nộp LP
65	412220199	Nguyễn Thị Trà My	22CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
66	411220171	Huỳnh Nguyễn Thị Trà My	22CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
67	411220095	Nguyễn Hà My	22CNA03	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
68	412210103	Võ Thị Mỹ	21CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
69	411210139	Lê Thị Kiều Mỹ	21CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
70	411200599	Võ Thị Linh Na	20CNACLCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
71	411220398	Nguyễn Thị Tố Nga	22CNACLCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
72	411220018	Nguyễn Thị Nga	22CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
73	411220362	Trần Thị Tuyết Ngân	22CNA10	Bậc 3 (B1) Hàn	chưa nộp LP
74	411230403	Đặng Gia Nghi	23CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
75	411230208	Nguyễn Thị Như Ngọc	23CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
76	416220051	Trần Thị Hồng Ngọc	22CNDPH01	Bậc 2 (A2) Hàn	chưa nộp LP
77	412220167	Trần Nguyễn Bảo Ngọc	22CNATM02	Bậc 3 (B1) Trung	chưa nộp LP
78	411220099	Văn Nguyễn Bảo Ngọc	22CNA03	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
79	411200809	Nguyễn Lâm Bảo Ngọc	20CNACL08	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
80	411200631	Mai Kim Ngọc	20CNACL03	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
81	411200086	Hồ Thị Ánh Ngọc	20CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
82	411210226	Ngô Thị Minh Nguyệt	21CNA03	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
83	411220365	Trần Thị Mỹ Nhi	22CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
84	411220252	Lê Thị Thảo Nhi	22CNA07	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
85	411220139	Lê Quỳnh Như	22CNA04	Bậc 3 (B1) Trung	chưa nộp LP
86	411200299	Hách Thị Hồng Nhung	20CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
87	411220494	H' Bân Niê	22CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
88	412200100	H Mai Niê	20CNADL03	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
89	414220023	Lê Thị Hoàng Oanh	22CNN01	Bậc 5 (C1) Nga	chưa nộp LP
90	411210605	Nguyễn Trịnh Hồng Phúc	21CNACL01	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
91	413220074	Huỳnh Trần Thanh Phương	22CNPTTSK01	Bậc 5 (C1) Pháp	chưa nộp LP
92	411210724	Lê Thị Như Phương	21CNACL05	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
93	411200253	Huỳnh Thị Uyên Phương	20CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
94	415220060	Lê Thị Tú Quỳnh	22CNTTM01	Bậc 3 (B1) Anh	chưa nộp LP
95	411210755	Mai Thị Lệ Quỳnh	21CNACL06	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
96	411230682	Trần Thị Diễm Quỳnh	23CNATT02	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
97	413220076	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	22CNPTTSK01	Bậc 5 (C1) Pháp	chưa nộp LP
98	412220066	Thái Cẩm Quỳnh	22CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
99	411220460	Nguyễn Diễm Quỳnh	22CNACL03	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
100	411220293	Lê Thị Như Quỳnh	22CNA08	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
101	411210696	Vũ Thị Như Quỳnh	21CNACL04	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
102	411170529	Nguyễn Thị Thùy Tâm	17CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
103	411200341	Ksor Thắm	20CNA07	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
104	411200342	Lưu Quốc Thanh	20CNA07	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
105	411171054	Bạch Thái Thanh	17CNACL06	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
106	412220235	Nguyễn Thị Kim Thảo	22CNATMCL02	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
107	412220068	Hồ Thị Phương Thảo	22CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
108	411200508	Nguyễn Thị Phương Thảo	20CNA11	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
109	411200135	Phan Thanh Thảo	20CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
110	411230686	Đào Anh Thư	23CNATT02	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
111	411230646	Bùi Thị Diễm Thư	23CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
112	411230375	Nguyễn Thanh Thư	23CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
113	412220139	Hoàng Kim Song Thư	22CNATM01	Bậc 3 (B1) Trung	chưa nộp LP
114	411220185	Ngô Thị Thanh Thư	22CNA05	Bậc 3 (B1) Trung	chưa nộp LP
115	411220147	Nguyễn Thị Anh Thư	22CNA04	Bậc 3 (B1) Hàn	chưa nộp LP
116	412220237	Lê Võ Mỹ Thanh Thúy	22CNATMCL02	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
117	411220186	Huỳnh Lê Phương Thúy	22CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
118	412220142	Trần Ngọc Thùy Tiên	22CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
119	411220406	Đặng Thị Quế Tiên	22CNACL01	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
120	412210035	Nguyễn Thanh Tiên	21CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
121	412220211	Hoàng Thanh Trà	22CNATMCLC01	Bậc 3 (B1) Hàn	chưa nộp LP
122	411220434	Trịnh Thị Ngọc Trâm	22CNACL02	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
123	414220032	Lê Vũ Nhật Trâm	22CNN01	Bậc 5 (C1) Nga	chưa nộp LP
124	411210730	Đặng Ngọc Trâm	22CNACL03	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
125	411220338	Trần Thị Yến Trâm	22CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
126	411210492	Hồ Thị Quỳnh Trang	21CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
127	412230114	Nguyễn Đức Trung	23CNADL03	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
128	412170724	Nguyễn Thị Cẩm Tú	17CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
129	412230115	Lê Nguyễn Xuân Tùng	23CNADL03	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
130	412220078	Võ Thanh Tuyền	22CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
131	411220466	Đặng Thị Tuyết	22CNACL03	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
132	411210614	Nguyễn Tố Uyên	21CNACL01	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
133	411220037	Đặng Nguyễn Hùng Văn	22CNA01	Bậc 3 (B1) Trung	chưa nộp LP
134	419220043	Nguyễn Thị Hà Vy	22SPA02	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
135	417220071	Nguyễn Khánh Vy	22CNH02	Bậc 5 (C1) Hàn	chưa nộp LP
136	411220546	Võ Thị Tuyết Vy	22CNATT02	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
137	411200435	Nguyễn Nhật Vy	20CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	chưa nộp LP
1	411230712	Phan Thị Ái	23BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung	
2	414220001	Nguyễn Thao Ái	22CNN01	Bậc 5 (C1) Nga	
3	412250358	Ngô Ninh Kiều An	25CNADL04	Bậc 5 (C1) Anh	
4	411170006	Phạm Nguyễn Hoàng An	17CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
5	412220214	Hồ Lê An	22CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
6	411220440	Nguyễn Thùy An	22CNACL03	Bậc 5 (C1) Anh	
7	411210586	Nguyễn Thùy Phước Ân	21CNACL01	Bậc 5 (C1) Anh	
8	412250359	Hồ Vân Anh	25CNADL04	Bậc 5 (C1) Anh	
9	417210217	Trần Quỳnh Anh	21CNTL01	Bậc 4 (B2) Thái	
10	411230714	Phạm Lê Huỳnh Anh	23BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung	
11	412210042	Lữ Thị Anh	21CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
12	411210415	Đậu Lê Phương Anh	21CNA08	Bậc 5 (C1) Anh	
13	412210172	Nguyễn Thị Vân Anh	21CNADLCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
14	411230501	Dương Thị Lan Anh	23CNA13	Bậc 5 (C1) Anh	
15	411230347	Trần Mai Bảo Anh	23CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	
16	415220175	Trịnh Phương Anh	22CNTCLC01	Bậc 5 (C1) Trung	
17	416220076	Lê Nữ Quỳnh Anh	22CNDPHCLC01	Bậc 4 (B2) Anh	
18	411220509	Nguyễn Thị Trâm Anh	22CNATT02	Bậc 5 (C1) Anh	
19	412220269	Hồ Thị Phương Anh	22CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
20	412220268	Đỗ Thị Vân Anh	22CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
21	412220241	Trần Thị Tú Anh	22CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh	

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
22	412220215	Nguyễn Thị Vân Anh	22CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
23	412220188	Lê Thị Lan Anh	22CNATMCLC01	Bậc 3 (B1) Hàn	
24	412220108	Phan Nguyễn Hoàng Anh	22CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh	
25	411220413	Phan Hồng Anh	22CNACL02	Bậc 3 (B1) Hàn	
26	411220384	Lê Thị Phương Anh	22CNACL01	Bậc 5 (C1) Anh	
27	411220156	Lê Loan Anh	22CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	
28	411220041	Trương Công Anh	22CNA02	Bậc 3 (B1) Trung	
29	411230615	Lê Hồng Ánh	23CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh	
30	414220003	Nguyễn Thị Kim Ánh	22CNN01	Bậc 5 (C1) Nga	
31	415230001	Trần Văn Ban	23BHTCTQ01	Bậc 5 (C1) Trung	
32	412220149	Nguyễn Ngọc Bảo	22CNATM02	Bậc 5 (C1) Anh	
33	414220040	Nguyễn Ngọc Thanh Bình	22CNNDL01	Bậc 5 (C1) Nga	
34	412220296	Phạm Nguyên Bình	22CNATMĐT01	Bậc 5 (C1) Anh	
35	412220044	Trương Văn Hòa Bình	22CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
36	411230715	Hà Quang Châu	23BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung	
37	412220004	Trần Nguyễn Bảo Châu	22CNADL01	Bậc 3 (B1) Hàn	
38	411200769	Nguyễn Vũ Châu	20CNACL07	Bậc 5 (C1) Anh	
39	412170056	Nguyễn Thị Minh Chi	17CNATM01	Bậc 2 (A2) Trung	
40	411220195	Thái Linh Chi	22CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
41	412250361	Phan Công Anh Chiến	25CNADL04	Bậc 5 (C1) Anh	
42	414220042	Đặng Thị Kim Chung	22CNNDL01	Bậc 5 (C1) Nga	
43	412180112	Huỳnh Thị Cúc	18CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	
44	411230311	Nguyễn Thanh Hùng Cường	23CNA08	Bậc 5 (C1) Anh	
45	412200086	Lê Văn Đại	20CNADL03	Bậc 5 (C1) Anh	
46	411230001	Nguyễn Khoa Đàm	23BHTC01	Bậc 3 (B1) Trung	
47	411230350	Đinh Văn Đăng	23CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	
48	411220044	Nguyễn Thị Hải Đăng	22CNA02	Bậc 3 (B1) Hàn	
49	412200248	Mai Hữu Danh	20CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
50	411230716	Phạm Quốc Danh	23BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung	
51	412170828	Nguyễn Ngọc Quỳnh Dao	17CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
52	412200341	Dương Tấn Đạt	20CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
53	411220310	Trần Tiến Đạt	22CNA09	Bậc 3 (B1) Trung	
54	411210502	Huỳnh Thị Thu Diễm	21CNA10	Bậc 2 (A2) Hàn	
55	412230046	Cao Quỳnh Diễm	23CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
56	412210266	Hoàng Thị Ngọc Diệp	21CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh	
57	412171172	KSor H' Diệp	17CNADL04	Bậc 5 (C1) Anh	
58	419220003	Lô Thị Huyền Diệu	22SPA01	Bậc 5 (C1) Anh	
59	411200191	Trần Thị Huyền Diệu	20CNA04	Bậc 5 (C1) Anh	
60	411230467	Nguyễn Dương Văn Định	23CNA12	Bậc 5 (C1) Anh	
61	411220389	Nguyễn Vy Khánh Đoan	22CNACL01	Bậc 5 (C1) Anh	

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
62	412250365	Cao Xuân Đức	25CNADL04	Bậc 5 (C1) Anh	
63	441240004	Phạm Minh Đức	24BHTC01	Bậc 3 (B1) Trung	
64	411210590	Nguyễn Đoàn Phương Dung	21CNACLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
65	412170086	Hồ Trịnh Phương Dung	17CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
66	412200167	Thái Thị Dung	20CNATM02	Bậc 5 (C1) Anh	
67	411170841	Lê Khánh Ngọc Dung	17CNACLC03	Bậc 5 (C1) Anh	
68	412210045	Trần Thị Thùy Dung	21CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
69	411210335	Đỗ Thị Kim Dung	21CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
70	412210267	Trần Thị Phan Dung	21CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh	
71	411210503	Dương Thị Thùy Dung	21CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	
72	411200589	Trần Thị Phương Dung	20CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
73	445240002	Nguyễn Thị Mỹ Dung	24BHTCTQ01	Bậc 5 (C1) Trung	
74	411230003	Lê Quang Dũng	23BHTC01	Bậc 3 (B1) Trung	
75	414220043	Lưu Nguyễn Thùy Dương	22CNNDL01	Bậc 3 (B1) Trung	
76	412220114	Hồ Thị Thùy Dương	22CNATM01	Bậc 3 (B1) Hàn	
77	411210126	Nguyễn Thị Khánh Duy	22CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
78	412220083	Đặng Huỳnh Duy	22CNADLCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
79	411210709	Phan Thị Duyên	21CNACLC05	Bậc 5 (C1) Anh	
80	411210739	Trần Huỳnh Duyên	21CNACLC06	Bậc 5 (C1) Anh	
81	411200650	Lê Thị Phương Duyên	20CNACLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
82	411230196	Phạm Thị Thùy Duyên	23CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	
83	411230079	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	23CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
84	413220035	Nguyễn Thị Thùy Duyên	22CNPDL01	Bậc 5 (C1) Pháp	
85	412220272	Trần Vũ Kỳ Duyên	22CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
86	412220335	Nguyễn Phạm Kiều Duyên	22CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
87	411210650	Lê Thị Quỳnh Duyên	21CNACLC03	Bậc 5 (C1) Anh	
88	413230006	H-An Êban	23CNP01	Bậc 3 (B1) Anh	
89	411230004	Đinh Trần Hạ Giang	23BHTC01	Bậc 3 (B1) Trung	
90	411200279	Nguyễn Thị Quỳnh Giang	20CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
91	412210179	Bùi Thị Hương Giang	21CNADLCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
92	411190527	Hoàng Ngọc Hà Giang	19CNACLC07	Bậc 5 (C1) Anh	
93	411200193	Dương Thị Hương Giang	20CNA04	Bậc 5 (C1) Anh	
94	411230469	Trần Thị Linh Giang	23CNA12	Bậc 5 (C1) Anh	
95	417220211	Hứa Hà Giang	22CNJCLC01	Bậc 5 (C1) Nhật	
96	411220515	Cao Thị Trà Giang	22CNATT02	Bậc 5 (C1) Anh	
97	411220350	Nguyễn Thị Giang	22CNA10	Bậc 3 (B1) Trung	
98	411220161	Đinh Thị Hà Giang	22CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	
99	411220047	Phạm Thị Trường Giang	22CNA02	Bậc 3 (B1) Hàn	
100	412200045	Bùi Thị Giang	20CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
101	411210296	Trần Thị Quý Giàu	21CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
102	411210338	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	21CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
103	412200088	Nguyễn Thị Hà	20CNADL03	Bậc 5 (C1) Anh	
104	411170863	Nguyễn Thu Hà	17CNACL06	Bậc 5 (C1) Anh	
105	412230049	Nguyễn Trần Ngân Hà	23CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
106	411220391	Nguyễn Thị Việt Hà	22CNACL01	Bậc 5 (C1) Anh	
107	411220237	Võ Thị Hà	22CNA07	Bậc 5 (C1) Anh	
108	412230050	Phan Dương Nhật Hân	23CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
109	417220008	Ngô Thị Ngọc Hân	22CNH01	Bậc 5 (C1) Hàn	
110	411200680	Nguyễn Ngọc Phương Hằng	20CNACL05	Bậc 2 (A2) Trung	
111	411200281	Phạm Thị Thúy Hằng	20CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
112	411190087	Lê Thị Hằng	19CNA03	Bậc 5 (C1) Anh	
113	411170159	Ngô Phan Thu Hằng	17CNA12	Bậc 5 (C1) Anh	
114	415220146	Lê Thị Hằng	22CNTTM01	Bậc 3 (B1) Anh	
115	415220007	Lê Nữ Minh Hằng	22CNTDL01	Bậc 3 (B1) Anh	
116	414220012	Mai Thúy Hằng	22CNN01	Bậc 5 (C1) Nga	
117	412220273	Lê Thanh Hằng	22CNATMCLC04	Bậc 3 (B1) Hàn	
118	412220116	Đặng Nguyễn Như Hằng	22CNATM01	Bậc 3 (B1) Hàn	
119	411220163	Phạm Nguyễn Thúy Hằng	22CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	
120	412180709	Đỗ Thị Thúy Hằng	18CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
121	411180716	Trần Thị Hạnh	18CNACL03	Bậc 5 (C1) Anh	
122	412210239	Nguyễn Thị Hạnh	21CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
123	411230005	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	23BHTC01	Bậc 3 (B1) Trung	
124	411230661	Trần Thị Thanh Hậu	23CNATT02	Bậc 5 (C1) Anh	
125	411170182	Nguyễn Thị Thu Hiền	17CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
126	411170184	Mai Thủy Thu Hiền	17CNA04	Bậc 2 (A2) Nhật	
127	411190553	Nguyễn Thị Thúy Hiền	19CNACL08	Bậc 5 (C1) Anh	
128	411200738	Nguyễn Thị Thanh Hiền	20CNA13	Bậc 5 (C1) Anh	
129	411170181	Võ Thị Thanh Hiền	17CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	
130	411230719	Võ Thị Hiền	23BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung	
131	419220028	Đinh Thị Hiền	22SPA02	Bậc 3 (B1) Trung	
132	417220114	Nguyễn Đoàn Diệu Hiền	22CNHCLC01	Bậc 5 (C1) Hàn	
133	412220118	Mai Thu Hiền	22CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh	
134	412220047	Trần Thị Thu Hiền	22CNADL02	Bậc 3 (B1) Hàn	
135	412210010	Nguyễn Thị Diệu Hiền	22CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	
136	411220392	Nguyễn Minh Hiền	22CNACL01	Bậc 5 (C1) Anh	
137	411220276	Đỗ Thị Hiền	22CNA08	Bậc 3 (B1) Trung	
138	411200483	Phạm Quang Hiệp	20CNA11	Bậc 5 (C1) Anh	
139	411230471	Vũ Trung Hiếu	23CNA12	Bậc 5 (C1) Anh	
140	411230355	Lâm Thị Minh Hiếu	23CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	
141	413220063	Ngô Thị Phương Hiếu	22CNPTTSK01	Bậc 5 (C1) Pháp	

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
142	412220300	Đinh Như Hiếu	22CNATMĐT01	Bậc 3 (B1) Pháp	
143	417170049	Dương Thị Ngọc Hòa	17CNH02	Bậc 3 (B1) Anh	
144	412200212	Trịnh Thị Diệu Hòa	20CNATM03	Bậc 5 (C1) Anh	
145	412250368	Võ Quang Hoàng	25CNADL04	Bậc 5 (C1) Anh	
146	411230121	Phùng Nhật Hoàng	23CNA03	Bậc 3 (B1) Pháp	
147	411220010	Phan Huy Hoàng	22CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
148	411220126	Lê Thị Thu Hồng	22CNA04	Bậc 5 (C1) Anh	
149	411220202	Nguyễn Huy Hợp	22CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
150	411200524	Nguyễn Thị Huệ	20CNA12	Bậc 5 (C1) Anh	
151	411200239	Ngô Thị Ngọc Huệ	20CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	
152	411230006	Nguyễn Thị Thu Huệ	23BHTC01	Bậc 3 (B1) Trung	
153	411210653	Nguyễn Thị Huệ	21CNACL03	Bậc 5 (C1) Anh	
154	412220247	Nguyễn Thị Thu Huệ	22CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh	
155	411220316	Phạm Thu Huệ	22CNA09	Bậc 3 (B1) Trung	
156	412220301	Mai Thuận Hưng	22CNATMĐT01	Bậc 5 (C1) Anh	
157	411210426	Trần Thị Lan Hương	21CNA08	Bậc 5 (C1) Anh	
158	411200075	Nguyễn Thị Hương	20CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
159	411230007	Lê Trần Thu Hương	23BHTC01	Bậc 3 (B1) Trung	
160	411220011	Lê Thanh Quỳnh Hương	22CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
161	411230356	Nguyễn Thị Thu Hường	23CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	
162	417220143	Nguyễn Thị Hồng Hường	22CNJ01	Bậc 5 (C1) Nhật	
163	412220009	Lê Thị Hường	22CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	
164	411190581	Trương Thị Thanh Hường	19CNACL04	Bậc 5 (C1) Anh	
165	411230722	Trịnh Lê Huy	23BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung	
166	412250370	Hồ Thị Thanh Huyền	25CNADL04	Bậc 3 (B1) Anh	
167	415220011	Văn Thị Khánh Huyền	23CNT01	Bậc 3 (B1) Anh	
168	412230132	Nguyễn Thị Huyền	23CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh	
169	411230511	Cao Diệu Huyền	23CNA13	Bậc 5 (C1) Anh	
170	411230046	Trịnh Thu Huyền	23CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
171	419220007	Nguyễn Diệu Huyền	22SPA01	Bậc 5 (C1) Anh	
172	416220079	Lê Nguyễn Diễm Huyền	22CNDPHCLC01	Bậc 2 (A2) Hàn	
173	412220223	Nguyễn Thị Huyền	22CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
174	411220355	Huỳnh Đặng Mỹ Huyền	22CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	
175	411220203	Phan Thị Huyền	22CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
176	411220165	Mai Thị Thanh Huyền	22CNA05	Bậc 3 (B1) Trung	
177	411220012	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	22CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
178	412210272	Mai Khánh Huyền	21CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh	
179	411180758	Nguyễn Tuấn Kha	18CNACL06	Bậc 5 (C1) Anh	
180	412220276	Hà Minh Văn Khanh	22CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
181	412220085	Trịnh Bảo Khanh	22CNADLCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
182	411220242	Lâm Mai Bảo Khanh	22CNA07	Bậc 5 (C1) Anh	
183	441240017	Cao Thanh Khánh	24BHTC01	Bậc 3 (B1) Trung	
184	411230397	Nguyễn Thị Kiều Khánh	23CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	
185	414220047	Võ Ngọc Đăng Khoa	22CNNDL01	Bậc 5 (C1) Nga	
186	411210218	Trần Văn Khoa	21CNA03	Bậc 2 (A2) Nhật	
187	411230513	Phạm Minh Khuê	23CNA13	Bậc 5 (C1) Anh	
188	412220051	Hồ Thị Liên Khương	22CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
189	411230588	Nguyễn Bảo Khuyên	23CNA15	Bậc 5 (C1) Anh	
190	411220318	Dương Đình Kiên	22CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	
191	411170916	Nguyễn Ngọc Diệu Kỳ	17CNACL01	Bậc 5 (C1) Anh	
192	411230008	Nguyễn Hoàng Lam	23BHTC01	Bậc 3 (B1) Trung	
193	411200364	Lê Hồng Lam	20CNA08	Bậc 5 (C1) Anh	
194	411220356	Tạ Bảo Lâm	22CNA10	Bậc 3 (B1) Trung	
195	411170265	Trương Thị Lành	17CNA12	Bậc 5 (C1) Anh	
196	411200451	Lê Thị Thanh Lê	20CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	
197	411190157	Phan Thị Mỹ Lệ	19CNA03	Bậc 5 (C1) Anh	
198	412250373	Trần Hữu Nguyên Linh	25CNADL04	Bậc 5 (C1) Anh	
199	411200120	Lê Huyền Linh	20CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
200	417210018	Trần Thị Cẩm Linh	21CNJ01	Bậc 4 (B2) Nhật	
201	417210090	Nguyễn Lê Hà Linh	21CNH01	Bậc 4 (B2) Hàn	
202	411200712	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	20CNACL06	Bậc 5 (C1) Anh	
203	411230723	Nguyễn Thị Hồng Linh	23BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung	
204	415230101	Nguyễn Hà Khánh Linh	23CNT01	Bậc 3 (B1) Anh	
205	411230666	Nguyễn Thị Khánh Linh	23CNATT02	Bậc 5 (C1) Anh	
206	411230086	Nguyễn Đình Linh	23CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
207	415220015	Trần Thị Khánh Linh	22CNT01	Bậc 3 (B1) Anh	
208	411220481	Cao Thị Khánh Linh	22CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh	
209	411220483	Trần Thị Khánh Linh	22CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh	
210	412220278	Lê Thị Linh Linh	22CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
211	412220197	Dương Thị Khánh Linh	22CNATMCLC01	Bậc 3 (B1) Trung	
212	412220122	Phạm Thị Diệu Linh	22CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh	
213	411220452	Lê Thị Khánh Linh	22CNACL03	Bậc 5 (C1) Anh	
214	411220358	Nguyễn Hồ Gia Linh	22CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	
215	411220320	Trần Lê Tú Linh	22CNA09	Bậc 3 (B1) Trung	
216	411220054	Ngô Thị Mỹ Linh	22CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
217	411220053	Trần Thị Trà Linh	22CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
218	411210556	Phạm Thị Hoài Linh	21CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh	
219	411210716	Bùi Trúc Linh	21CNACL05	Bậc 5 (C1) Anh	
220	415230199	Nguyễn Thị Thanh Loan	23BHTCTQ02	Bậc 3 (B1) Anh	
221	412220087	Nguyễn Dư Phúc Lộc	22CNADLCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
222	412230305	Nguyễn Đoàn Quân Long	23CNATMĐT01	Bậc 5 (C1) Anh	
223	411230724	Nguyễn Ngọc Long	23BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung	
224	411200598	Đinh Thị Mai Lư	20CNACL02	Bậc 5 (C1) Anh	
225	411230725	Phan Thị Kim Ly	23BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung	
226	411200165	Trương Thị Cẩm Ly	20CNA03	Bậc 5 (C1) Anh	
227	412170311	Lê Thị Khánh Ly	17CNATM03	Bậc 5 (C1) Anh	
228	412220198	Nguyễn Thị Ly Ly	22CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
229	411220359	Lê Thị Khánh Ly	22CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	
230	411220055	Nguyễn Cao Hoài Ly	22CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
231	411200495	Nguyễn Thị Khánh Ly	20CNA11	Bậc 5 (C1) Anh	
232	412230020	Nguyễn Thanh Mai	23CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	
233	412220227	Nguyễn Trần Phương Mai	22CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
234	411220132	Hồ Thị Kim Mai	22CNA04	Bậc 3 (B1) Hàn	
235	411200713	Lê Như Mai	20CNACL06	Bậc 5 (C1) Anh	
236	411210598	Bùi Khắc Tuệ Mẫn	21CNACL01	Bậc 5 (C1) Anh	
237	411220208	Nguyễn Huệ Mẫn	22CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
238	411220246	Lò Thị Mận	22CNA07	Bậc 5 (C1) Anh	
239	411180317	Nguyễn Thị Mến	18CNA07	Bậc 5 (C1) Anh	
240	412250224	Đỗ Hiếu Minh	25CNATMĐT02	Bậc 5 (C1) Anh	
241	417230014	Đặng Đoàn Ngọc Minh	23CNH01	Bậc 3 (B1) Trung	
242	412220306	Phan Thị Minh	22CNATMĐT01	Bậc 5 (C1) Anh	
243	412220253	Lương Nhật Minh	22CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh	
244	411210349	Nguyễn Phương My	21CNA06	Bậc 2 (A2) Hàn	
245	412210148	Trịnh Thị Trà My	21CNATM02	Bậc 5 (C1) Anh	
246	411210628	Huỳnh Bùi Kiều My	21CNACL02	Bậc 5 (C1) Anh	
247	417220182	Trần Thị Trà My	22CNJ02	Bậc 3 (B1) Anh	
248	411210688	Phạm Nguyễn Trà My	21CNACL04	Bậc 5 (C1) Anh	
249	411190629	Đỗ Thảo My	19CNACL06	Bậc 5 (C1) Anh	
250	411230727	Bùi Khánh Mỹ	23BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung	
251	411230630	Võ Ngọc Thoại Mỹ	23CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh	
252	411200373	Trần Thị Na	20CNA08	Bậc 5 (C1) Anh	
253	412230138	Hoàng Thị Diệu Na	23CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh	
254	411230479	Nguyễn Quỳnh Na	23CNA12	Bậc 5 (C1) Anh	
255	411220323	Bùi Thị Ly Na	23CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	
256	413220043	Đoàn Lưu Ly Na	22CNPD01	Bậc 3 (B1) Anh	
257	412220282	Nguyễn Kiều Ly Na	22CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
258	411220361	Cao Thị Mộng Na	22CNA10	Bậc 3 (B1) Hàn	
259	411220247	Trần Thị Lê Na	22CNA07	Bậc 5 (C1) Anh	
260	411220487	Nguyễn Ngọc Nam	22CNATT01	Bậc 3 (B1) Trung	
261	411220057	Yên Nhật Nam	22CNA02	Bậc 3 (B1) Trung	

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
262	415230008	Nguyễn Thị Nga	23BHTCTQ01	Bậc 5 (C1) Trung	
263	417210057	Nguyễn Thị Mỹ Nga	21CNJ02	Bậc 4 (B2) Nhật	
264	417200094	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	21CNJ01	Bậc 4 (B2) Nhật	
265	412210058	Phạm Thị Nga	21CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
266	411230013	Trần Thị Nga	23BHTC01	Bậc 5 (C1) Anh	
267	412190960	Siu H' Linh Nga	19CNATM02	Bậc 5 (C1) Anh	
268	417220218	Nguyễn Linh Nga	22CNJCLC01	Bậc 3 (B1) Anh	
269	411230729	Huỳnh Thị Thiên Nga	23BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung	
270	412250142	Phan Thị Thanh Ngân	25CNATM04	Bậc 5 (C1) Anh	
271	412200289	Nguyễn Thị Thu Ngân	20CNATMCLC02	Bậc 3 (B1) Trung	
272	411200807	Vũ Diễm Bảo Ngân	20CNACLC08	Bậc 5 (C1) Anh	
273	411200333	Vũ Thị Kim Ngân	20CNA07	Bậc 5 (C1) Anh	
274	411170961	Chế Thị Kim Ngân	17CNACLC05	Bậc 5 (C1) Anh	
275	411210748	Trần Thị Thanh Ngân	21CNACLC06	Bậc 5 (C1) Anh	
276	412230223	Hồ Thị Kim Ngân	23CNATM03	Bậc 5 (C1) Anh	
277	414220053	Nguyễn Trần Cao Ngân	22CNNDL01	Bậc 5 (C1) Nga	
278	417220149	Trần Thị Kim Ngân	22CNJ01	Bậc 5 (C1) Nhật	
279	412220283	Phan Thị Tuyết Ngân	22CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
280	412210189	Trần Bảo Hoàng Ngân	22CNADLCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
281	411220425	Phạm Thị Ái Ngân	22CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
282	411220426	Võ Thị Thanh Ngân	22CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
283	411220135	Đặng Thị Kim Ngân	22CNA04	Bậc 3 (B1) Trung	
284	412210018	Nguyễn Thị Ngân	21CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	
285	412210248	Nguyễn Thị Thuý Ngân	21CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
286	412220057	Đỗ Thị Mẫn Nghi	22CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
287	412250378	Nguyễn Khánh Ngọc	25CNADL04	Bậc 5 (C1) Anh	
288	414170080	NGÔ ÁNH NGỌC	17CNN01	Bậc 4 (B2) Nga	
289	412200017	Huỳnh Nguyễn Bảo Ngọc	20CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	
290	411170374	Nguyễn Thị Bích Ngọc	17CNA03	Bậc 2 (A2) Trung	
291	411210477	Trần Thị Bảo Ngọc	21CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	
292	411210435	Phạm Bích Ngọc	21CNA08	Bậc 5 (C1) Anh	
293	416220118	Trần Lê Bảo Ngọc	22CNQTH01	Bậc 4 (B2) Anh	
294	411220060	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	22CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
295	412250379	Trần Văn Khôi Nguyên	25CNADL04	Bậc 5 (C1) Anh	
296	441240025	Nguyễn Như Nguyên	24BHTC01	Bậc 3 (B1) Trung	
297	412210060	Phan Thảo Nguyên	21CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
298	411230595	Nguyễn Hải Nguyên	23CNA15	Bậc 5 (C1) Anh	
299	413220046	Nguyễn Thị Kim Nguyên	22CNPDL01	Bậc 5 (C1) Pháp	
300	411220529	Phạm Thị Thảo Nguyên	22CNATT02	Bậc 3 (B1) Hàn	
301	412220130	Lê Đoàn Trang Nguyên	22CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh	

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
302	411220364	Trần Thảo Nguyên	22CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	
303	411220251	Lê Trung Nguyên	22CNA07	Bậc 5 (C1) Anh	
304	411220213	Tạ Công Nguyên	22CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
305	411170395	Nguyễn Thị Xuân Nguyệt	17CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	
306	411200250	Trần Thị Minh Nguyệt	20CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	
307	412200182	Lê Thị Minh Nguyệt	20CNATM02	Bậc 5 (C1) Anh	
308	411190673	Phạm Minh Nguyệt	19CNACL04	Bậc 5 (C1) Anh	
309	412220169	Trần Thanh Nguyệt	22CNATM02	Bậc 5 (C1) Anh	
310	411220100	Lữ Thị Minh Nguyệt	22CNA03	Bậc 3 (B1) Trung	
311	412250380	Phan Sỹ Thiện Nhân	25CNADL04	Bậc 5 (C1) Anh	
312	412220018	Bùi Trung Nhật	22CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	
313	419220015	Zorâm Nhê	22SPA01	Bậc 3 (B1) Trung	
314	412250145	Nguyễn Khổng Tuyết Nhi	25CNATM04	Bậc 5 (C1) Anh	
315	411180840	Lương Huỳnh Nhi	18CNACL06	Bậc 5 (C1) Anh	
316	411200501	Trần Thị Xuân Nhi	20CNA11	Bậc 5 (C1) Anh	
317	411200500	Puih Linh Nhi	20CNA11	Bậc 5 (C1) Anh	
318	411200600	Nguyễn Linh Nhi	20CNACL02	Bậc 5 (C1) Anh	
319	411200537	Lê Thị Hồng Nhi	20CNA12	Bậc 5 (C1) Anh	
320	417230016	Cao Thị Nhi	23CNH01	Bậc 3 (B1) Anh	
321	411230675	Lê Bùi Hà Nhi	23CNATT02	Bậc 5 (C1) Anh	
322	412230224	Dur Uyên Nhi	23CNATM03	Bậc 5 (C1) Anh	
323	411230483	Nguyễn Thị Yến Nhi	23CNA12	Bậc 5 (C1) Anh	
324	411230250	Võ Yến Nhi	23CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
325	417220244	Kiều Thị Quỳnh Nhi	22CNJTM01	Bậc 5 (C1) Nhật	
326	412220311	Nguyễn Thị Yến Nhi	22CNATMĐT01	Bậc 5 (C1) Anh	
327	412220312	Lê Nguyễn Thảo Nhi	22CNATMĐT01	Bậc 5 (C1) Anh	
328	412220131	Hoàng Thị Hồng Nhi	22CNATM01	Bậc 3 (B1) Trung	
329	412220059	Lê Thị Thảo Nhi	22CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
330	412220060	Huỳnh Thị Uyên Nhi	22CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
331	412220020	Phạm Thị Yến Nhi	22CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	
332	412220019	Nguyễn Thị Khánh Nhi	22CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	
333	412220021	Hoàng Lam Nhi	22CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	
334	411220457	Trần Nguyễn Quỳnh Nhi	22CNACL03	Bậc 5 (C1) Anh	
335	411220428	Cao Yến Nhi	22CNACL02	Bậc 5 (C1) Anh	
336	411220062	Trần Thị Tuyết Nhi	22CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
337	411220022	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	22CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
338	411180389	Võ Thị Yến Nhi	18CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
339	411230289	Đào Thùy Nhiên	23CNA07	Bậc 5 (C1) Anh	
340	411210479	Nguyễn Thị Kiều Nhiên	21CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	
341	412250383	Trần Nguyễn Quỳnh Như	25CNADL04	Bậc 5 (C1) Anh	

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
342	417210174	Huỳnh Trần Quỳnh Như	21CNHCLC01	Bậc 4 (B2) Hàn	
343	417220187	Nguyễn Quỳnh Như	22CNJ02	Bậc 5 (C1) Nhật	
344	412220132	Nguyễn Thị Thảo Như	22CNATM01	Bậc 3 (B1) Hàn	
345	411220429	Nguyễn Thị Quỳnh Như	22CNACL02	Bậc 5 (C1) Anh	
346	411230598	Nguyễn Phạm Thanh Nhung	23CNA15	Bậc 5 (C1) Anh	
347	417220221	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	22CNJCLC01	Bậc 5 (C1) Nhật	
348	412220023	Nguyễn Thị Thanh Nhung	22CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	
349	416210021	Phạm Thị Hồng Nhung	21CNDPH01	Bậc 2 (A2) Hàn	
350	411210144	Nguyễn Thị Xuân Nhung	21CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
351	411200210	Võ Thị Hồng Ni	20CNA04	Bậc 5 (C1) Anh	
352	412220232	Phùng Thái Ni	22CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
353	412250384	Trần Thị Hoàng Oanh	25CNADL04	Bậc 5 (C1) Anh	
354	411230734	Hồ Thị Kiều Oanh	23BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung	
355	441240032	Nguyễn Thị Thục Oanh	24BHTC01	Bậc 3 (B1) Trung	
356	411230014	Trương Vũ Hoàng Oanh	23BHTC01	Bậc 3 (B1) Trung	
357	414220024	Nguyễn Thị Thúy Oanh	22CNN01	Bậc 5 (C1) Nga	
358	411200635	Trần Kim Oanh	20CNACL03	Bậc 5 (C1) Anh	
359	411220402	Phan Thị Uyên Phi	22CNACL01	Bậc 3 (B1) Hàn	
360	411220102	Lê Hoàng Nhật Phi	22CNA03	Bậc 5 (C1) Anh	
361	416210112	Lê Vĩnh Phú	21CNQTH02	Bậc 3 (B1) Anh	
362	415230009	Trần Lê Hồng Phúc	23BHTCTQ01	Bậc 5 (C1) Trung	
363	416210209	Trần Thị Hoàng Phúc	22CNQTHCLC01	Bậc 4 (B2) Anh	
364	412220260	Nguyễn Thiên An Phúc	22CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh	
365	411180424	Trần Thị Phương	18CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
366	417210062	Trần Võ Lam Phương	21CNJ02	Bậc 4 (B2) Nhật	
367	411230016	Võ Lữ Diệu Phương	23BHTC01	Bậc 3 (B1) Trung	
368	415230010	Đinh Hà Linh Phương	23BHTCTQ01	Bậc 5 (C1) Trung	
369	417220247	Nguyễn Mai Phương	22CNJTM01	Bậc 5 (C1) Nhật	
370	417220188	Nguyễn Mai Phương	22CNJ02	Bậc 5 (C1) Nhật	
371	411220495	Lê Trần Lam Phương	22CNATT01	Bậc 3 (B1) Trung	
372	411220430	Trịnh Thị Hà Phương	22CNACL02	Bậc 5 (C1) Anh	
373	411220216	Phạm Thị Minh Phương	22CNA06	Bậc 3 (B1) Hàn	
374	411220178	Trịnh Thị Hoài Phương	22CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	
375	415230110	Phạm Thị Phượng	23CNT01	Bậc 3 (B1) Anh	
376	411230486	Huỳnh Thị Thu Phượng	23CNA12	Bậc 5 (C1) Anh	
377	411210695	Phạm Thị Hồng Phượng	21CNACL04	Bậc 5 (C1) Anh	
378	411230736	Hoàng Thị Bích Phượng	23BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung	
379	441240034	Bùi Đức Quân	24BHTC01	Bậc 3 (B1) Trung	
380	412230192	Trần Đình Quân	23CNATM02	Bậc 5 (C1) Anh	
381	411230448	Giã Khánh Quang	23CNA11	Bậc 5 (C1) Anh	

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
382	412230267	Đặng Duy Quốc	23CNATM04	Bậc 5 (C1) Anh	
383	416210077	Nguyễn Thị Quý	21CNDPHCLC01	Bậc 2 (A2) Nhật	
384	411200384	Huỳnh Thị Lệ Quyên	20CNA08	Bậc 5 (C1) Anh	
385	412200294	Nguyễn Mỹ Quyên	20CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
386	412200263	Trần Thị Ánh Quyên	20CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
387	411200664	Cao Thị Như Quỳnh	20CNACLCLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
388	411230017	Phan Thị Như Quỳnh	23BHTC01	Bậc 3 (B1) Trung	
389	412171042	Lê Thị Như Quỳnh	17CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
390	416220091	Nguyễn Lê Trúc Quỳnh	22CNDPHCLC01	Bậc 2 (A2) Hàn	
391	412220096	Trần Thị Như Quỳnh	22CNADLCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
392	411220217	Nguyễn Thị Như Quỳnh	22CNA06	Bậc 3 (B1) Hàn	
393	411220105	Phạm Trần Khánh Quỳnh	22CNA03	Bậc 3 (B1) Hàn	
394	411220066	Trần Nguyễn Như Quỳnh	22CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
395	411230602	Đặng Trọng Ngọc San	23CNA15	Bậc 5 (C1) Anh	
396	411220181	Lê Thị Sang	22CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	
397	411220256	Mai Văn Tài	22CNA07	Bậc 5 (C1) Anh	
398	411171048	Huỳnh Minh Tâm	17CNACLCLC06	Bậc 5 (C1) Anh	
399	412220175	Hồ Thị Thanh Tâm	22CNATM02	Bậc 5 (C1) Anh	
400	412220136	Phạm Công Tâm	22CNATM01	Bậc 3 (B1) Pháp	
401	411210756	Cao Tố Tâm	21CNACLCLC06	Bậc 5 (C1) Anh	
402	412230106	Nguyễn Thanh Tân	23CNADL03	Bậc 5 (C1) Anh	
403	412170537	Trần Thị Thắm	17CNADL03	Bậc 5 (C1) Anh	
404	414220028	Nguyễn Phú Thắng	22CNN01	Bậc 5 (C1) Nga	
405	411230603	Nguyễn Nam Thắng	23CNA15	Bậc 5 (C1) Anh	
406	412220208	Trần Hương Thanh	22CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
407	411220028	Lý Thanh Thanh	22CNA01	Bậc 3 (B1) Hàn	
408	411230739	Trần Kim Thành	23BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung	
409	411210319	Trần Công Thành	21CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	
410	411220144	Nguyễn Thị Kỳ Thảo	22CNA04	Bậc 3 (B1) Hàn	
411	411200137	Phan Thị Phương Thảo	20CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
412	411171058	Trần Thị Thanh Thảo	17CNACLCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
413	412200234	Phan Thị Thanh Thảo	20CNATM03	Bậc 5 (C1) Anh	
414	412210313	Lê Phương Thảo	21CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
415	419230019	Nguyễn Hoàng Vy Thảo	23SPA01	Bậc 5 (C1) Anh	
416	411220537	Hoàng Thị Thảo	22CNATT02	Bậc 5 (C1) Anh	
417	411220497	Lê Phương Thảo	22CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh	
418	412220321	Mạc Lê Phương Thảo	22CNATMĐT01	Bậc 3 (B1) Trung	
419	411220461	Trần Phương Thảo	22CNACLCLC03	Bậc 5 (C1) Anh	
420	411220297	Đỗ Thị Thu Thảo	22CNA08	Bậc 3 (B1) Trung	
421	411220258	Trần Thị Phương Thảo	22CNA07	Bậc 5 (C1) Anh	

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
422	411220259	Trần Đào Phương Thảo	22CNA07	Bậc 5 (C1) Anh	
423	411220221	Đoàn Thị Thu Thảo	22CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
424	411220182	Nguyễn Thị Phương Thảo	22CNA05	Bậc 3 (B1) Hàn	
425	411220069	Phạm Thị Thanh Thảo	22CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
426	412210285	Hoàng Khánh Thi	21CNATMCLC03	Bậc 2 (A2) Trung	
427	411200511	Hồ Thị Thiện	20CNA11	Bậc 5 (C1) Anh	
428	411190756	Trần Đức Thịnh	19CNACL04	Bậc 5 (C1) Anh	
429	411230179	Nguyễn Hoàng Quốc Thịnh	23CNA04	Bậc 5 (C1) Anh	
430	411230021	Trần Võ Anh Thơ	23BHTC01	Bậc 3 (B1) Trung	
431	411220373	Nguyễn Thị Hồng Thoa	22CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	
432	412250386	Phan Huỳnh Anh Thư	25CNADL04	Bậc 5 (C1) Anh	
433	411171068	Đỗ Thị Anh Thư	17CNACL04	Bậc 5 (C1) Anh	
434	412220209	Đỗ Hà Anh Thư	22CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
435	414210032	Ngô Ngọc Anh Thư	21CNN01	Bậc 4 (B2) Nga	
436	412220323	Huỳnh Ngọc Anh Thư	22CNATMĐT01	Bậc 5 (C1) Anh	
437	412220290	Bùi Ngọc Anh Thư	22CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
438	412220031	Lê Trần Anh Thư	22CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	
439	411170593	Nguyễn Thị Thuận	17CNA11	Bậc 5 (C1) Anh	
440	411230023	Nguyễn Hoài Thương	23BHTC01	Bậc 3 (B1) Trung	
441	417220157	Lê Thị Thương	22CNJ01	Bậc 5 (C1) Nhật	
442	411220071	Nguyễn Thị Thương	22CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
443	411220539	Nguyễn Thái Thuý	22CNATT02	Bậc 5 (C1) Anh	
444	411210155	Hoàng Thị Phương Thúy	21CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
445	411190770	Nguyễn Thị Thúy	19CNACL05	Bậc 5 (C1) Anh	
446	416220130	Bùi Thanh Thúy	22CNQTH01	Bậc 3 (B1) Anh	
447	412210257	Trần Thị Ngọc Thúy	21CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
448	412210074	Nguyễn Thanh Thúy	21CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
449	411200096	Thái Thị Thanh Thúy	20CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
450	411220224	Nguyễn Thị Minh Thủy	22CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
451	415230205	Nguyễn Thị Hương Thủy	23BHTCTQ02	Bậc 5 (C1) Trung	
452	411200720	Đỗ Thị Thanh Thủy	20CNACL06	Bậc 5 (C1) Anh	
453	415230206	Huỳnh Thị Như Thủy	23BHTCTQ02	Bậc 3 (B1) Anh	
454	411190384	Trần Thị Thanh Thủy	19CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
455	411230454	Lê Thị Thanh Thủy	23CNA11	Bậc 5 (C1) Anh	
456	412220265	Nguyễn Thị Thanh Thủy	22CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh	
457	417200051	Huỳnh Kim Thuyền	21CNJCL01	Bậc 5 (C1) Nhật	
458	411200815	Lý Quỳnh Thy	20CNACL08	Bậc 5 (C1) Anh	
459	411230493	Trần Thị Ái Thy	23CNA12	Bậc 5 (C1) Anh	
460	411170631	Trương Ngọc Tiên	17CNA07	Bậc 5 (C1) Anh	
461	417220158	Nguyễn Thủy Tiên	22CNJ01	Bậc 5 (C1) Nhật	

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
462	412210076	Hồ Thị Anh Tiên	21CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
463	412190794	Hoàng Huỳnh Bích Trâm	19CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
464	411170650	Trần Thị Huỳnh Trâm	17CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	
465	411220541	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	22CNATT02	Bậc 5 (C1) Anh	
466	411230532	Nguyễn Hoàng Bảo Trâm	23CNA13	Bậc 5 (C1) Anh	
467	417220227	Trần Dương Phương Trâm	22CNJCLC01	Bậc 5 (C1) Nhật	
468	417220160	Trần Nguyễn Huyền Trâm	22CNJ01	Bậc 5 (C1) Nhật	
469	411220376	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	22CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	
470	411220033	Võ Thị Vân Trâm	22CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
471	411210198	Huỳnh Thị Bích Trâm	21CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
472	411210283	Nguyễn Ngọc Huyền Trân	21CNA04	Bậc 5 (C1) Anh	
473	411230301	Nguyễn Trần Bảo Trân	23CNA07	Bậc 3 (B1) Pháp	
474	411220542	Lê Nguyễn Bảo Trân	22CNATT02	Bậc 3 (B1) Trung	
475	411220264	Phan Nguyễn Quế Trân	22CNA07	Bậc 5 (C1) Anh	
476	412210228	Châu Bảo Trân	21CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
477	411200432	Nguyễn Thùy Trang	20CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	
478	411200789	Lê Thị Thùy Trang	20CNACL07	Bậc 5 (C1) Anh	
479	411200791	Nguyễn Thị Thu Trang	20CNACL07	Bậc 5 (C1) Anh	
480	411190787	Nguyễn Thị Huyền Trang	19CNACL08	Bậc 5 (C1) Anh	
481	411190958	Hoàng Thị Trang	19CNA03	Bậc 5 (C1) Anh	
482	411200549	Nguyễn Quỳnh Trang	20CNA12	Bậc 5 (C1) Anh	
483	411200552	Võ Thị Thùy Trang	20CNA12	Bậc 5 (C1) Anh	
484	411200141	Nguyễn Thị Thùy Trang	20CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
485	414230029	Nguyễn Thu Trang	23CNN01	Bậc 5 (C1) Nga	
486	411230690	Trương Mai Huyền Trang	23CNATT02	Bậc 5 (C1) Anh	
487	411230378	Nguyễn Đức Quỳnh Trang	23CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	
488	412220076	Nguyễn Thị Khánh Trang	22CNADL02	Bậc 3 (B1) Trung	
489	411220435	Võ Lê Minh Trang	22CNACL02	Bậc 3 (B1) Hàn	
490	411220407	Phạm Thị Trang	22CNACL01	Bậc 5 (C1) Anh	
491	411220377	Nguyễn Thị Huyền Trang	22CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	
492	411220302	Nguyễn Lê Thùy Trang	22CNA08	Bậc 5 (C1) Anh	
493	411220265	Lê Thị Thùy Trang	22CNA07	Bậc 3 (B1) Hàn	
494	412180939	Đỗ Thị Thùy Trang	18CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
495	411230742	Phan Thị Mỹ Trí	23BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung	
496	411220303	Đoàn Nguyễn Thiện Trí	22CNA08	Bậc 5 (C1) Anh	
497	411200819	Đỗ Nữ Hoàng Trinh	20CNACL08	Bậc 5 (C1) Anh	
498	441240040	Phạm Thị Ngọc Trinh	24BHTC01	Bậc 3 (B1) Trung	
499	412190805	Trần Thị Ngọc Trinh	19CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
500	412190802	Hồ Mỹ Trinh	19CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh	
501	412230034	Kiều Nguyễn Quỳnh Trinh	23CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
502	415220102	Lê Thị Hoài Trinh	22CNTDL01	Bậc 5 (C1) Anh	
503	411220505	Lê Thị Kim Trinh	22CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh	
504	412220036	Nguyễn Lê Tuyết Trinh	22CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	
505	411220436	Phan Nguyễn Tú Trinh	22CNACL02	Bậc 5 (C1) Anh	
506	411220075	Nguyễn Hoàng Trinh	22CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
507	411220035	Trần Thị Trinh	22CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
508	411190804	Phạm Thị Trinh	19CNACL04	Bậc 5 (C1) Anh	
509	411230028	Nguyễn Hữu Trọng	23BHTC01	Bậc 3 (B1) Trung	
510	412220182	Võ Thị Kim Trúc	22CNATM02	Bậc 5 (C1) Anh	
511	413220028	Lê Quang Trung	22CNP01	Bậc 5 (C1) Pháp	
512	419230024	Phạm Thị Thanh Truyền	23SPA01	Bậc 5 (C1) Anh	
513	412170721	Nguyễn Thị Cẩm Tú	17CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
514	412220077	Ngô Thị Cẩm Tú	22CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
515	412200274	Lê Quốc Tuấn	20CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
516	411230030	Trần Hà Tuấn	23BHTC01	Bậc 3 (B1) Trung	
517	411230611	Nguyễn Văn Tuấn	23CNA15	Bậc 5 (C1) Anh	
518	412220183	Lại Anh Tuấn	22CNATM02	Bậc 3 (B1) Trung	
519	412180956	Trần Thanh Tuyền	18CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh	
520	411171123	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	17CNACL06	Bậc 5 (C1) Anh	
521	412220103	Phùng Lê Tỷ Tỷ	22CNADLCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
522	441240044	Trần Văn Uy	24BHTC01	Bậc 3 (B1) Trung	
523	411230032	Mai Thị Hà Uyên	23BHTC01	Bậc 3 (B1) Trung	
524	411230743	Nguyễn Hoàng Phương Uyên	23BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung	
525	411180967	Trần Thảo Uyên	18CNACL03	Bậc 5 (C1) Anh	
526	412230239	Nguyễn Huỳnh Thảo Uyên	23CNATM03	Bậc 5 (C1) Anh	
527	412230079	Nguyễn Thị Mỹ Uyên	23CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
528	411230536	Nguyễn Hà Phương Uyên	23CNA13	Bậc 5 (C1) Anh	
529	416220201	Đỗ Thảo Uyên	22CNQTHCLC01	Bậc 4 (B2) Anh	
530	416220067	Lê Thị Tú Uyên	22CNDPH01	Bậc 2 (A2) Hàn	
531	412220267	Trần Đỗ Tố Uyên	22CNATMCLC03	Bậc 3 (B1) Hàn	
532	411220076	Nguyễn Bảo Uyên	22CNA02	Bậc 3 (B1) Hàn	
533	411210538	Lê Thị Như Uyên	21CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	
534	411200670	Lương Thị Thu Uyên	20CNACL04	Bậc 5 (C1) Anh	
535	412180607	Nguyễn Thị Mỹ Vân	18CNATM02	Bậc 2 (A2) Trung	
536	413180076	Võ Ngọc Thùy Vân	19CNP01	Bậc 4 (B2) Pháp	
537	411171140	Lê Thị Vân	17CNACL06	Bậc 5 (C1) Anh	
538	411190826	Trần Thị Minh Vân	19CNACL08	Bậc 5 (C1) Anh	
539	412210169	Huỳnh Thị Vân	21CNATM02	Bậc 5 (C1) Anh	
540	415220103	Hoàng Ngọc Thảo Vân	22CNTTM02	Bậc 3 (B1) Anh	
541	412220184	Lê Thị Ngọc Vân	22CNATM02	Bậc 5 (C1) Anh	

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Cấp độ dự thi	Ghi chú
542	411210329	Huỳnh Võ Hải Vân	21CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	
543	411220410	Trần Tường Văn	22CNACLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
544	412171144	Tăng Thị Vi	17CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
545	412210203	Lê Trần Yến Vi	21CNADLCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
546	415230210	Nguyễn Thị Hoài Vi	23BHTCTQ02	Bậc 5 (C1) Trung	
547	416220069	Trần Lê Tường Vi	22CNDPH01	Bậc 2 (A2) Trung	
548	417220035	Bùi Thị Viên	22CNH01	Bậc 5 (C1) Hàn	
549	411230746	Phạm Văn Vượng	23BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung	
550	415210047	Phạm Nguyễn Thảo Vy	21CNTDL01	Bậc 3 (B1) Anh	
551	417200157	Phạm Hà Tường Vy	21CNJ02	Bậc 4 (B2) Nhật	
552	411180630	Phạm Thị Hà Vy	18CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
553	414220035	Đỗ Trần Hoàng Vy	22CNN01	Bậc 4 (B2) Nga	
554	417220169	Nguyễn Thị Tường Vy	22CNJ01	Bậc 5 (C1) Nhật	
555	411220468	Nguyễn Hoàng Cát Vy	22CNACLC03	Bậc 5 (C1) Anh	
556	411220116	Hồ Thị Trúc Vy	22CNA03	Bậc 3 (B1) Hàn	
557	411180634	Phạm Thị Vỹ	18CNA03	Bậc 5 (C1) Anh	
558	411230748	Nguyễn Thị Xinh	23BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung	
559	416220073	Bùi Thị Như Ý	22CNDPH01	Bậc 2 (A2) Trung	
560	411230749	Nguyễn Thị Thanh Yên	23BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung	
561	417200058	Hoàng Hải Yên	21CNJCLC01	Bậc 5 (C1) Nhật	
562	419220022	Nguyễn Thị Bảo Yên	22SPA01	Bậc 5 (C1) Anh	
563	411220508	Nguyễn Thị Hải Yên	22CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh	
564	411220078	Nguyễn Trần Bảo Yên	22CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	